

Bản án số: 154 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2020

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Anh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Trần Văn Luyện

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Đạt

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:*
ông Nguyễn Công Hợi

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trịnh Hồng D, Sinh năm: 1987

Nơi cư trú: xóm 06, xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: xóm 06, xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn anh Trịnh Hồng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trịnh Hồng D kết hôn với chị Nguyễn Thị Minh H vào ngày 03/6/2013, do hai người tự nguyện tìm hiểu và khi kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống được một thời gian dài thì hai vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân và không thể quay lại đoàn tụ được, hai gia đình đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh H

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung cháu tên là cháu Trịnh Hồng Hải Đăng, sinh ngày 24/6/2013, cháu Trịnh Hồng Hải Quang, sinh ngày 12/5/2017, hiện nay cháu Đăng đang sống với anh D, cháu Quang đang sống với chị H. Nay anh D, chị H thống nhất giao cháu Đăng cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu Quang cho chị H nuôi dưỡng và hai bên không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau

Về chia tài sản: vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Minh H không có mặt tuy nhiên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày nguyện vọng của chị là nhất trí ly hôn với anh Trịnh Hồng D, chị H nhân nuôi cháu Trịnh Hồng Hải Quang, sinh ngày 12/5/2017, giao cháu cháu Trịnh Hồng Hải Đăng, sinh ngày 24/6/2013 cho anh D nuôi dưỡng và hai bên không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau; không yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị giải quyết cho anh Trịnh Hồng D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh H; chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Trịnh Hồng Hải Đăng, sinh ngày 24/6/2013 cho anh Trịnh Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Hồng Hải Quang, sinh ngày 12/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Minh H trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau, không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn anh Trịnh Hồng D và chị Trần Thị Minh H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền được qui định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Trần Thị Minh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị H là phù hợp quy định tại Điều 228 BLTTDS năm 2015.

3. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh D có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hai gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, cho đến hôm nay vợ chồng không thể quay về sống chung với nhau được, nên anh D đã làm đơn yêu cầu ly hôn. Mặc dù anh D có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hoà giải để anh D quay lại đoàn tụ nhưng anh D xét thấy vợ chồng không đoàn tụ lại được, mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, không thể quay trở lại xây dựng hạnh phúc được, tình cảm của anh đối với chị H đã không còn. Trước Tòa hôm nay, anh D vẫn khẳng định tình cảm giữa anh đối với chị H đã không còn, không thể đoàn tụ được, mâu thuẫn đã quá lớn và anh xin được Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh H

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Minh H không có mặt tuy nhiên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nguyện vọng của chị muốn ly hôn với anh Trịnh Hồng D

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy xử cho anh D được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Các đương sự đều thống nhất giao cháu Trịnh Hồng Hải Đăng, sinh ngày 24/6/2013 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Hồng Hải Quang, sinh ngày 12/5/2017 cho chị H nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận của các đương sự không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Đăng xin được ở với bố nên cần chấp nhận, giao cháu Trịnh Hồng Hải Đăng cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Hồng Hải Quang, sinh ngày 12/5/2017 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi. Anh D và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Về chia tài sản: vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trịnh Hồng D được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh H

Về nuôi con chung:

Giao cháu Trịnh Hồng Hải Đăng, sinh ngày 24/6/2013 cho anh Trịnh Hồng D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Đăng thành niên đủ 18 tuổi.

Giao cháu Trịnh Hồng Hải Quang, sinh ngày 12/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Minh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Quang thành niên đủ 18 tuổi

Anh D và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Anh D, chị H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Buộc anh Trịnh Hồng D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được tính trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005364 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Đại Phước;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Anh